

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2021/DS-PT
Ngày 05-02-2021

V/v tranh chấp chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Đức Trí;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy;

Bà Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 01, ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2020/TLPT-DS, ngày 09 tháng 11 năm 2020, về việc tranh chấp di sản thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2020/DS-ST, ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 28/2020/QĐ-PT, ngày 27 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 11/01/2020 và Quyết định tạm ngưng phiên tòa ngày 22/01/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Bạch H, sinh năm 1975; cư trú tại: Số 208, thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Nhật M, sinh năm 1997; cư trú tại: P.507, tòa nhà A, 25 T, phường T, quận H, thành phố H (theo Giấy ủy quyền ngày 26/02/2020 của bà Lê Bạch H); có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Lê Anh T, sinh năm 1971; cư trú tại: Số 383, đường B, Khối 5, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, ngày 22/01/2021 có mặt; ngày 05/02/2021 vắng mặt;

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1971; cư trú tại: Số 19, đường P, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

3. Anh Lê Minh Đ, sinh năm 1994; cư trú tại: Số 32, Ngõ 389, Trương Đ, Hoàng M, Thành phố H; ngày 22/01/2021 có mặt; ngày 05/02/2021 vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Minh Đ, bà Trần Thị H, sinh năm 1971; cư trú tại: Số 19, đường Ph, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cụ Bạch Kim L, sinh năm 1939; cư trú tại: Số 03/03, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Ông Lê Kinh K, sinh năm 1968; cư trú tại: Số 03/03, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

3. Ông Lê Kinh T, sinh năm 1962; cư trú tại: Phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

4. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1981; cư trú tại: Số 383, đường B, khối 5, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; ngày 22/01/2021 có mặt; ngày 05/02/2021 vắng mặt

Do có kháng cáo của bà Lê Bạch H, kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm số: 26/2020/DS-ST, ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn và kháng cáo của bị đơn anh Lê Minh Đức kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số: 26/2020/DS-ST, ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn bà Lê Bạch H do anh Nguyễn Nhật M là người đại diện theo ủy quyền, bản luận cứ của ông Trương Quốc H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bố mẹ đẻ của bà Lê Bạch H là cụ Bạch Kim L và cụ Lê Kinh D kết hôn, chung sống với nhau từ năm 1958. Năm 1998, cụ Bạch Kim L nhận chuyển nhượng với bà Hoàng Thị N diện tích đất khoảng hơn 100m² (107,7m²) thuộc thửa 62, tờ bản đồ số 30, phường H, thành phố L). Năm 1999, cụ Lê Kinh D chết, không để lại di chúc. Các chi phí ma chay do cụ Bạch Kim L cùng các anh chị em bà Lê Bạch H lo liệu nhưng bà Lê Bạch H không yêu cầu giải quyết chi phí ma chay mà bà đã bỏ ra. Cụ Lê Kinh D chết không có nghĩa vụ tài sản nào để lại. Thời điểm cụ Lê Kinh D chết, những người thừa kế hàng thứ nhất của cụ Lê Kinh D có 05 người là: Cụ Bạch Kim L, ông Lê Kinh T, ông Lê Kinh K, ông Lê Anh T và bà Lê Bạch H. Cụ Lê Kinh D không có con riêng, không có con nuôi, không có bố mẹ nuôi, bố mẹ đẻ của cụ Lê Kinh D đều đã chết trước cụ Lê Kinh D.

Năm 2001, Nhà nước xây dựng đường B đã xác định diện tích đất của gia

đình cụ Bạch Kim L là 107,7m², đã thu hồi 81,52m², diện tích đất còn lại là 26,18m². Số tiền được bồi thường do thu hồi đất khoảng gần 100.000.000 đồng, được cấp 01 lô đất tái định cư tại khu T, phường V, thành phố L nhưng phải nộp tiền sử dụng đất cũng khoảng gần 100.000.000 đồng. Sau đó, cụ Bạch Kim L đã chuyển nhượng lô đất tái định cư cho người khác, tiền chuyển nhượng đất đã chi tiêu việc gia đình hết.

Năm 2007, Ban quản lý dự án xây dựng tỉnh Lạng Sơn xác định phần đất ta luy công trình đường B giai đoạn 2 gia đình cụ Bạch Kim L được phép sử dụng là 8,98m², đơn giá 1.200.000 đồng, thành tiền là 10.776.000 đồng. Ngày 13/11/2007, cụ Bạch Kim L đã nộp trả số tiền 10.776.000 đồng cho Ban quản lý dự án xây dựng Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn. Năm 1991, ông Lê Anh T kết hôn với bà Trần Thị H, có 01 con chung là anh Lê Minh Đ. Năm 1998, ông Lê Anh T và bà Trần Thị H ly hôn. Năm 1999, bà Trần Thị H quay lại sống chung với ông Lê Anh T nhưng không đăng ký kết hôn lại. Năm 2007, cụ Bạch Kim L và ông Lê Kinh T làm thủ tục tặng cho diện tích đất tại thửa 62 tờ bản đồ số 30, phường Hoàng Văn T, thành phố L cho ông Lê Anh T, bà Trần Thị H và anh Lê Minh Đ mà không có sự đồng ý của ông Lê Kinh K, ông Lê Anh T và bà Lê Bạch H. Ngày 23/7/2008, ông Lê Anh T và bà Trần Thị H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 31,9m². Năm 2008, ông Lê Anh T và bà Trần Thị H xây dựng 01 căn nhà cấp 4 trên đất và cho người khác thuê. Năm 2014, bà Trần Thị H và ông Lê Anh T chia tay. Năm 2016, bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung. Bà Trần Thị H tặng phần tài sản của bà được chia cho anh Lê Minh Đ. Tại Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận các chữ ký trong Đơn chuyển nhượng đất ở (giấy tặng cho quyền sử dụng đất) của cụ Bạch Kim L không phải chữ ký của ông Lê Kinh K, ông Lê Anh T, bà Lê Bạch H. Tại Bản án số 141/DS-PT ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định; "...anh Lê Minh Đ được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 62, diện tích 42,1m² tờ bản đồ số 30, phường Hoàng Văn T, thành phố L... Anh Lê Minh Đ có nghĩa vụ trả tiền giá trị quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất cho ông Lê Anh T số tiền 662.583.000 đồng... Giành quyền khởi kiện đối với ông Lê Anh T, ông Lê Kinh K, bà Lê Bạch H được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp về thừa kế đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Minh Đ...". Bản án phúc thẩm nêu trên đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa thi hành. Hiện nay, ông Lê Anh T, bà Hoàng Thị H đang sử dụng nhà đất.

Tại đơn khởi kiện, bà Lê Bạch H yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-03063 mang tên ông Lê Anh T, bà Trần Thị H do Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 23/7/2008. Nay, bà Lê Bạch H rút yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và xác định diện tích đất còn lại là 34,4m². Đây là kết quả đo đạc thực tế nên bà Lê Bạch H xác định diện tích đất là di sản thừa kế của cụ Lê Kinh D theo kết quả đo vẽ tại sơ đồ của Bản án nêu trên là 17,2m² (1/2 của diện tích 34,4m²) và yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lê Kinh D bằng hiện vật cho 05 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, gồm:

Cụ Bạch Kim L, ông Lê Kinh T, ông Lê Kinh K, ông Lê Anh T và bà Lê Bạch H. Bà Lê Bạch H không nhất trí với Bản án dân sự phúc thẩm của Tòa án cấp cao tại Hà Nội nêu trên, cho rằng việc năm 2007, cụ Bạch Kim L và ông Lê Kinh T định đoạt tài sản, tặng đất cho ông Lê Anh T, bà Trần Thị H và anh Lê Minh Đ là không hợp pháp vì lúc đó gia đình chưa phân chia di sản thừa kế.

Ý kiến của các bị đơn: Bà Trần Thị H trình bày: Diện tích đất thửa 62, tờ bản đồ số 30 phường Hoàng Văn T, thành phố L bà Trần Thị H, ông Lê Anh T và anh Lê Minh Đ được gia đình bà Bạch Kim L tặng cho từ năm 2007. Năm 2008 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 31,9m² đứng tên bà và ông Lê Anh T. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà đã đổi và mua thêm diện tích đất khoảng 08m² phía sau thửa đất với ông Đinh Bá S là chủ đất liền kề để mảnh đất được vuông vắn, việc đổi và mua đất do ông Lê Anh T và ông Đinh Bá S trực tiếp đo đạc và thực hiện, bà chỉ là người trả tiền mua đất là 15.000.000 đồng, có giấy viết tay của ông Đinh Bá S. Sau khi đổi và mua đất với ông Đinh Bá S bà xây nhà cấp 4 trên toàn bộ diện tích đất bao gồm cả đất mua thêm, chính là ngôi nhà hiện nay ông Lê Anh T đang sử dụng. Năm 2014, bà và ông Lê Anh T chia tay. Năm 2016, bà khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, phần tài sản của bà, bà tặng cho anh Lê Minh Đ. Bản án dân sự phúc thẩm số: 141/2019/DSPT, năm 2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã chia tài sản chung cho ông Lê Anh T 1/3, anh Lê Minh Đ được 2/3 tài sản chung, anh Lê Minh Đ được nhận hiện vật và có nghĩa vụ thanh toán giá trị bằng tiền cho ông Lê Anh T 662.583.000 đồng. Theo bà được biết, anh Lê Minh Đ đã nộp khoản tiền phải thi hành án tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn để thi hành án nhưng ông Lê Anh T chưa nhận. Hiện nay ông Lê Anh T cùng vợ con vẫn đang sử dụng nhà đất trên. Mặc dù Bản án phúc thẩm của Tòa án cấp cao tại Hà Nội quyết định anh Lê Minh Đ có quyền quản lý, sử dụng nhà đất, nhưng thực tế đến nay anh Lê Minh Đ vẫn chưa được quản lý sử dụng đất, chưa được kê khai đăng ký quyền sử dụng đất. Việc nguyên đơn khởi kiện bà là sai đối tượng và không có căn cứ vì bà không còn quyền lợi gì đối với nhà đất. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Trong bản khai anh Lê Minh Đ trình bày: Bản án dân sự phúc thẩm số: 141/2019/DSPT, ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội về chia tài sản chung đã quyết định anh được quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc thửa 62, tờ bản đồ số 30 phường Hoàng Văn T, thành phố L và được quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất nhưng đến nay anh vẫn chưa được hưởng quyền lợi gì đối với nhà đất đó, anh chưa được quản lý, sử dụng nhà đất, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà đang phải đi ở nhờ, thực tế hiện nay bố anh là Lê Anh T cùng vợ mới và con riêng vẫn đang sử dụng nhà đất trên nên việc bà Lê Bạch H khởi kiện anh yêu cầu chia thừa kế là vô lý. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án hợp tình, hợp lý, đúng pháp luật.

Trong các bản khai và tại phiên tòa, ông Lê Anh T đồng ý với ý kiến của nguyên đơn bà Lê Bạch H và khẳng định không có việc ông và bà Trần Thị H mua thêm đất với ông Đinh Bá S.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cụ Bạch Kim L, ông Lê Kinh T và ông Lê Kinh K nhất trí với ý kiến của nguyên đơn bà Lê Bạch H. Bà Hoàng Thị H nhất trí với ý kiến của bị đơn ông Lê Anh T.

Ủy ban nhân dân thành phố L, bà Nguyễn Ngọc H là người đại diện theo ủy quyền có ý kiến: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên đã bị hủy theo Bản án dân sự phúc thẩm số: 141/2019/DSPT, ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, do đó yêu cầu khởi kiện về hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không còn đối tượng để xem xét.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2020/DS-ST, ngày 28/09/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Đã căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 158, 165, 166, 228, 235, khoản 2 Điều 244, 264 và 266, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660, 357, 468 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Bạch H về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-03063 mang tên ông Lê Anh T, bà Trần Thị H đối với diện tích đất 31,9m² thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ số 30 phường Hoàng Văn T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn do Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 23/7/2008.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Bạch H về việc chia thừa kế.

Xác định di sản thừa kế của ông Lê Kinh D để lại là 17,2m² thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ số 30, phường Hoàng Văn T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, trị giá bằng tiền là 1.032.000.000 đồng (60.000.000đồng/m²).

Chia di sản thừa kế cho ông Lê Kinh K, bà Lê Bạch H và ông Lê Anh T, cụ thể: Anh Lê Minh Đ có nghĩa vụ thanh toán kỹ phần thừa kế cho bà Lê Bạch H số tiền 206.400.000 đồng (hai trăm linh sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng). Anh Lê Minh Đ có nghĩa vụ thanh toán kỹ phần thừa kế cho ông Lê Kinh K số tiền 206.400.000 đồng (hai trăm linh sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng). Anh Lê Minh Đ có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị kỹ phần thừa kế cho ông Lê Anh T số tiền 34.400.000 đồng (ba mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

Về án phí và chi phí tố tụng: Bà Lê Bạch H, ông Lê Kinh K, mỗi người phải chịu 10.320.000 đồng; ông Lê Anh T phải chịu 1.720.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp ngân sách Nhà nước. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.400.000 đồng, bà Lê Bạch H đã nộp tạm ứng đủ 2.400.000 đồng. Bà Lê Bạch H phải chịu 1.107.000 đồng. Ông Lê Kinh K có nghĩa vụ trả bà Lê Bạch H số tiền 1.107.000 đồng, ông Lê Anh T có nghĩa vụ trả bà Lê Bạch H số tiền 184.000 đồng.

Do không đồng ý với Bản án sơ thẩm, nguyên đơn: Bà Lê Bạch H kháng cáo yêu cầu chia thừa kế bằng hiện vật là diện tích đất 17,2m² cho 05 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất;

Bị đơn: Anh Lê Minh Đ kháng cáo xác định di sản thừa kế là 15,95m²; không chấp nhận thanh toán tiền chênh lệch kỷ phần cho ông Lê Anh T số tiền là 34.400.000 đồng.

Tại cấp phúc thẩm, bà Trần Thị H cung cấp thêm cho Tòa án 01 giấy mua bán đất giữa ông Đinh Bá S và bà Trần Thị H thể hiện mua bán và đổi đất là 08m² và bà Trần Thị H trả cho ông Đinh Bá S 15.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Nhật M, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Bạch H, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xác định di sản thừa kế là 17,2m² cho 05 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và chia bằng hiện vật và trình bày:

Nguồn gốc di sản thừa kế là của cụ Bạch Kim L và cụ Lê Kinh D là thừa đất số 62, tờ bản đồ số 30, phường Hoàng Văn T, thành phố L. Năm 1999 của Lê Kinh D chết không để lại di chúc. Chi phí ma chay do cụ Bạch Kim L cùng các anh chị em bà Lê Bạch H lo liệu nhưng bà Lê Bạch H không yêu cầu giải quyết các chi phí nêu trên. Khi cụ Lê Kinh D chết không có nghĩa vụ về tài sản để lại, cụ Lê Kinh D không có con riêng, không có con nuôi, không có bố mẹ nuôi, bố mẹ đẻ của cụ Lê Kinh D đã chết trước cụ Lê Kinh D. Năm 2007, Ban quản lý dự án xây dựng Lạng Sơn xác định gia đình cụ Bạch Kim L được phép sử dụng 8,98m², đơn giá 1.200.000 đồng, ngày 13/7/2007 cụ Bạch Kim Lan đã nộp số tiền 10.776.000 đồng cho Ban quản lý dự án xây dựng Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn. Trong năm 2007, cụ Bạch Kim L và ông Lê Kinh T làm thủ tục tặng cho diện tích đất tại thửa 62 tờ bản đồ số 30, phường Hoàng Văn T, thành phố L cho ông Lê Anh T, bà Trần Thị H và anh Lê Minh Đ mà không có sự đồng ý của ông Lê Kinh K, ông Lê Anh T và bà Lê Bạch H; ngày 23/7/2008, ông Lê Anh T và bà Trần Thị H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-03063, diện tích 31,9m² thửa số 62, tờ bản đồ số 30 phường Hoàng Văn T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Bị đơn anh Lê Minh Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Minh Đ, bà Trần Thị H trình bày: Bản án dân sự phúc thẩm số: 141/2019/DSPT, ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội về chia tài sản chung đã quyết định anh được quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc thửa 62, tờ bản đồ số 30 phường Hoàng Văn T, thành phố L, trong đó xác định di sản thừa kế là 31,9m², trong đó phần của cụ Bạch Kim L là 15,95m², phần còn lại 15,95m² được đem chia cho 05 kỷ phần. Tuy nhiên cụ Bạch Kim L và ông Lê Kinh T đã định đoạt phần này cho ông Lê Anh T, cháu Lê Minh Đ và bà Trần Thị H. Bản án sơ thẩm về việc chia di sản thừa kế xác định di sản thừa kế là 34,4m² là không chính xác, yêu cầu di sản còn lại là 15,95m² cho cho 05 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần được 3,19m² tương đương số tiền 191.400.000 đồng. Do cụ Bạch Kim L và ông Lê Kinh T đã định đoạt phần này cho ông Lê Anh T, cháu Lê Minh Đ và bà Trần Thị H, chỉ còn có ông Lê Anh T, anh Lê Kinh T và bà Lê Bạch H được hưởng kỷ phần tương đương số

tiền nêu trên. Cháu Lê Minh Đ có trách nhiệm trả cho ông Lê Kinh T và bà Lê Bạch H mỗi người 2/3 của số tiền 191.400.000 đồng. Không chấp nhận trả số tiền chênh lệch 34.400.000 đồng cho ông Lê Anh T vì Bản án phúc thẩm số 141/2019/DSPT của Tòa án cấp cao tại Hà Nội đã quyết định cháu Lê Minh Đ có trách nhiệm thanh toán số tiền 662.583.000 đồng cho ông Lê Anh T và ngày 07/9/2020 cháu Lê Minh Đ đã nộp số tiền này vào Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn để thi hành Bản án, số tiền trên đã bao gồm khoản tiền di sản thừa kế là quyền sử dụng đất mà ông Lê Anh T được hưởng; xác định diện tích chia di sản thừa kế là $\frac{1}{2}$ của diện tích 31,9m² là 15,19m²; yêu cầu ông Lê Anh T có trách nhiệm trả cho ông Lê Kinh K và bà Lê Bạch H mỗi xuất 1/3 giá trị của diện tích đất là 3,19m².

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, về thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm, chuẩn bị khai mạc phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, xem xét việc có người vắng mặt tại phiên tòa, hỏi về kháng cáo và tạo điều kiện cho các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án; Thư ký đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự: Ổn định phiên tòa, phổ biến nội quy phiên tòa, kiểm tra và báo cáo với Hội đồng xét xử danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa, ghi biên bản phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định; một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Quan điểm về việc giải quyết đối với nội dung vụ án có kháng cáo:

Về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo: Bà Lê Bạch H, anh Lê Minh Đ kháng cáo trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo: Bà Lê Bạch H kháng cáo yêu cầu được chia bằng hiện vật đối với phần di sản thừa kế của cụ Lê Kinh D là 17,2m² cho 5 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất: Xác định di sản thừa kế là diện tích đất nhỏ, lại chia cho 5 suất thừa kế, diện tích được chia theo bản án sơ thẩm chỉ 3,44m²/người nên không sử dụng được trên thực tế và không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó Bản án sơ thẩm chia kỷ phần thừa kế bằng giá trị là có căn cứ. Bà Lê Bạch H kháng cáo yêu cầu chia bằng hiện vật là không có cơ sở chấp nhận.

Anh Lê Minh Đ yêu cầu cấp phúc thẩm xác định di sản thừa kế của cụ Lê Kinh D là 15,9m² thuộc thửa đất số 62; không chấp nhận thanh toán chênh lệch kỷ phần thừa kế cho ông Lê Anh T số tiền 34.400.000 đồng.

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2018/DS-ST, ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn và Bản án dân sự phúc thẩm số: 141/2019/DS-PT, ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, anh Lê Minh Đ là người được quyền quản lý, sử dụng thửa số 62, diện tích 42,1m², tờ bản đồ số 30, trong đó có: 2,5m² thuộc thửa số 62 nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 2,4m² thuộc thửa 54, đã sử dụng ổn định không tranh chấp, đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 5,3m² nằm trong vỉa hè đường Bà Triệu, không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích xác định chia tài sản chung là 36,8m², anh Lê Minh Đ được hưởng 2/3, ông Lê Anh T được hưởng 1/3, tương đương với 36,8m² x 50.000.000 đồng = 613.333.000 đồng : 3 = 613.333.000 đồng. Xác định ông Lê Anh T, ông Lê Kinh K, bà Lê Bạch H được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp thừa kế với anh Lê Minh Đ vì anh là người được quản lý, sử dụng tài sản.

Khi thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Lê Bạch H, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ kết quả giải quyết 02 vụ án đã có hiệu lực pháp luật nêu trên, xác định di sản thừa kế của cụ Lê Kinh D là ½ thửa đất số 62, diện tích 34,4m², trong đó có 2,5m² tăng thêm, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ½ = 17,2m². Theo giá thị trường tại thời điểm giải quyết là 60.000.000 đồng/m², di sản thừa kế 17,2m² x 60.000.000 đồng = 1.032.000.000 đồng : 5 hàng thừa kế của cụ Lê Kinh Dương, gồm: Bạch Kim L, Lê Kinh T, Lê Kinh K, Lê Anh T, Lê Bạch H = 206.400.000 đồng/người. Tuy nhiên, tại các Bản án nêu trên đã xác định di sản thừa kế của cụ Lê Kinh D là ½ của diện tích đất 31,9m², diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Bạch Kim L, 1 kỳ phần thừa kế của cụ Lê Kinh D 15,9m² : 5 = 3,19m². Bản án sơ thẩm khi chia thừa kế đã cộng cả phần diện tích tăng thêm để chia là không chính xác, anh Lê Minh Đ kháng cáo yêu cầu xác định di sản thừa kế của cụ Lê Kinh D là 15,9m² thuộc thửa 62 là có cơ sở chấp nhận.

Về chia thừa kế: Bà Lê Bạch H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Lê Kinh D, theo Bản án trước ông Lê Anh T đã được chia 1/3 diện tích đất 36,8m² thuộc thửa 62 bao gồm cả diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đất thực tế sử dụng đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được anh Lê Minh Đ trả bằng giá trị. Nay bà Lê Bạch H khởi kiện, ông Lê Anh T và anh Lê Minh Đ phải cùng có trách nhiệm thanh toán cho những người thừa kế còn lại là bà Lê Bạch H và ông Lê Kinh K. Bản án sơ thẩm buộc anh Lê Minh Đ có trách nhiệm trả cho bà Lê Bạch H, ông Lê Kinh K mỗi người 206.400.000 đồng và bù chênh lệch cho ông Lê Anh T số tiền 34.400.000 đồng là không đúng, anh Lê Minh Đ kháng cáo không đồng ý trả số tiền 34.400.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Bạch H, chấp nhận kháng cáo của anh Lê Minh Đ; sửa Bản án sơ thẩm số: 26/2020/DS-ST, ngày 28/09/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng vắng mặt đã được triệu tập lần thứ hai hoặc người tham gia tố tụng đã ủy quyền hợp lệ nên Tòa án xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về phạm vi, nội dung kháng cáo: Tại đơn kháng cáo ngày 04/10/2020, anh Nguyễn Nhật M, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Bạch H yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận khởi kiện của bà Lê Bạch H yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lê Kinh D cho các đồng thừa kế bằng hiện vật (chia bằng đất) cùng sở hữu chung. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Nhật M giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu chia bằng hiện vật đối với di sản thừa kế là 17,2m² đất, thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 30, phường Hoàng Văn T, thành phố L cho 05 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm cụ Bạch Kim L, ông Lê Kinh T, ông Lê Kinh K, ông Lê Anh T và bà Lê Bạch H.

[3] Về nguồn gốc thửa đất và quá trình sử dụng đất tranh chấp: Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự, có cơ sở xác định nguồn gốc đất tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng cụ Lê Kinh D và cụ Bạch Kim L. Theo sơ đồ kèm theo Bản án số: 15/2018/DSST, ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn và Bản án dân sự phúc thẩm số: 141/2019/DSPT, ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội thì diện tích đất của thửa số 62 (ngoài diện tích bị thu hồi làm đường) chỉ còn lại 31,9m². Tại đơn chuyển nhượng đất cho con ruột. Nội dung đơn thể hiện cụ Bạch Kim L đã tặng cho con trai là Lê Anh T và con dâu là Trần Thị H toàn bộ diện tích đất trên. Do đây là tài sản chung vợ chồng cụ Bạch Kim L chỉ có quyền định đoạt phần tài sản của mình là 15,95m². Việc cụ Bạch Kim L tặng đất cho con trai Lê Anh T và vợ là Trần Thị H là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật được pháp luật thừa nhận. Do đó của diện tích còn lại của thửa đất là 15,95m² đất tại thửa đất số 62, bản đồ số 30, phường Hoàng Văn T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn được xác định là di sản của cụ Lê Kinh D để lại chưa chia cho các đồng thừa kế.

[4] Về quyền thừa kế: Cụ Lê Kinh D và cụ Bạch Kim L có 04 người con gồm có: Ông Lê Kinh T, ông Lê Kinh K, ông Lê Anh T và bà Lê Bạch H. Cụ Lê Kinh D chết năm 1999 không có con nuôi, không có bố mẹ nuôi, bố mẹ cụ Lê Kinh D đều đã chết. Cụ Lê Kinh D chết không để lại di chúc nên toàn bộ tài sản của cụ Lê Kinh D được chia theo quy định tại Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 560 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Kinh D gồm: Cụ Bạch Kim L, ông Lê Kinh T, ông Lê Kinh K, ông Lê Anh T và bà Lê Bạch H. Phần di sản của cụ Lê Kinh D để lại là 15,95m² đất tại thửa đất số 62, bản đồ số 30, phường Hoàng Văn T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Giá trị bằng tiền 60.000.000đồng/m² x 15,95m² = 957.000.000đồng.

[6] Về việc xác định di sản thừa kế: Xét thấy Bản án phúc thẩm số 141/2019/DS-PT, ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã xác định diện tích đất để tính di sản thừa kế là 31,9m², trong đó cụ Bạch Kim L được hưởng di sản thừa kế là 19,14m², các đồng thừa kế còn lại là ông Lê Kinh T, ông Lê Kinh K, ông Lê Anh T, bà Lê Bạch H mỗi người được hưởng di sản là 3,19m². Cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế là 17,2 của ½ diện tích 34,4m² là không chính xác.

[7] Xét kháng cáo của anh Lê Minh Đ đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số: 26/2020/DS-ST, ngày 28/9/2020 của Tòa án thành phố Lạng Sơn xác định di sản của cụ Lê Kinh D để lại là 15,9m² thuộc thửa đất số 62, bản đồ số 30, phường Hoàng Văn T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Yêu cầu kháng cáo trên của anh Lê Minh Đ là có cơ sở để Tòa án chấp nhận, vì theo sơ đồ kèm theo Bản án số: 15/2018/DS-ST, ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn và Bản án dân sự phúc thẩm số: 141/2019/DSPT, ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã xác định phần diện tích của thửa số 62 ngoài diện tích để chia di sản thừa kế còn lại các bên đương sự được hưởng là 3,19m². Do vậy Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST, ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xác định diện tích di sản thừa kế còn lại đem chia là 17,2m² (½ của diện tích 34,4m²) là không chính xác. Đối với yêu cầu kháng cáo của anh Lê Minh Đ yêu cầu cấp phúc thẩm tuyên anh Lê Minh Đ không có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Lê Anh T số tiền 34.400.000 đồng. Xét thấy tại thời điểm trước khi xét xử sơ thẩm, anh Lê Minh Đ đã thanh toán số tiền 662.583.000 đồng để thi hành phần nghĩa vụ mà anh phải thanh toán cho ông Lê Anh T, số tiền nêu trên đã bao gồm cả quyền sử dụng đất, trong đó có cả di sản thừa kế mà ông Lê Anh T được hưởng. Do đó yêu cầu kháng cáo này của anh Lê Minh Đ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu của anh Lê Minh Đ cho yêu cầu ông Lê Anh T có trách nhiệm trả 1/3 kỷ phần di sản thừa kế cho bà Lê Bạch H và ông Lê Kinh K. Xét thấy, do anh Lê Minh Đ đã được quyền quản lý toàn bộ di sản diện tích 42,1m² đất theo Bản án dân sự phúc thẩm số: 141/2019/DSPT, ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, nên anh Lê Minh Đ có có nghĩa vụ thanh toán kỷ phần thừa kế cho bà Lê Bạch H và ông Lê Kinh K là phù hợp. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của anh Lê Minh Đ về nội dung này.

[8] Xét kháng cáo của bà Lê Bạch H do anh Nguyễn Nhật M là đại diện theo ủy quyền yêu cầu chia di sản thừa kế diện tích 17,2m² đất cho các đồng thừa kế bằng hiện vật (chia bằng đất), thấy rằng: Diện tích đất di sản thừa kế không đáng kể chỉ là 15,95m² và đã được Bản án dân sự phúc thẩm số: 141/DS-PT, ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định cho anh Lê Minh Đ được quyền quản lý sử dụng thửa đất số 62, tờ bản đồ số 30, bản đồ địa chính phường Hoàng Văn T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền tài sản trên đất cộng công trình phụ trợ khác... và có quyền, nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất. Cụ Bạch Kim L và ông Lê Kinh T đã tự định đoạt phần đất của mình tại thửa số 62 cho ông Lê Anh T, bà Trần Thị

H, anh Lê Minh Đ là hợp pháp. Do vậy cụ Bạch Kim L, ông Lê Kinh T không còn quyền được chia di sản thừa kế của cụ Lê Kinh D. Do đó cấp sơ thẩm xác định người được chia di sản thừa kế của cụ Lê Kinh D là ông Lê Kinh Kỳ, ông Lê Anh T và bà Lê Bạch H là đúng. Nếu chia di sản bằng diện tích 15,95m² đất cho các kỹ phần thì mỗi kỹ phần được hưởng 3,19m². Diện tích đất di sản thừa kế rất nhỏ không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai. Cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế giá trị bằng tiền cho các kỹ phần là đúng, không thể chia bằng hiện vật. Hơn nữa sau khi xét xử sơ thẩm, cụ Bạch Kim L, ông Lê Kinh T không kháng cáo và không ủy quyền cho ai kháng cáo. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Lê Bạch H yêu cầu chia di sản thừa kế bằng hiện vật.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên đợc Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu kháng cáo của anh Lê Minh Đ được chấp nhận nên anh Lê Minh Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Bạch H không được chấp nhận, nên bà Lê Bạch H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2020/DS-ST, ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị sửa về phần thanh toán kỹ phần di sản thừa kế, nên cần sửa về phần chịu án phí dân sự sơ thẩm theo kỹ phần mỗi người được hưởng.

[11] Về chi phí tố tụng: Do Bản án sơ thẩm bị sửa, nên cần sửa về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, cụ thể: Ông Lê Anh T không phải chịu chi phí tố tụng, bà Lê Bạch H và ông Lê Kinh K phải chịu chi phí tố tụng.

[12] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo một phần của anh Lê Minh Đ; không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Bạch H; sửa một phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2020/DS-ST, ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

Căn cứ các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27, Điều 28, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Bạch H về việc chia thừa kế.

1.1. Xác định di sản thừa kế của cụ Lê Kinh D để lại là 15,95m² thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ số 30, phường Hoàng Văn T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, trị giá được bằng tiền theo giá 60.000.000đồng/m² là 957.0000.000 đồng (chín trăm năm mươi bảy triệu đồng).

1.2. Chia di sản thừa kế cho ông Lê Kinh K, bà Lê Bạch H và ông Lê Anh T, cụ thể:

Anh Lê Minh Đ có nghĩa vụ thanh toán kỹ phần thừa kế cho bà Lê Bạch H số tiền 191.400.000 đồng (một trăm chín mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Anh Lê Minh Đ có nghĩa vụ thanh toán kỹ phần thừa kế cho ông Lê Kinh K số tiền 191.400.000 đồng (một trăm chín mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Anh Lê Minh Đ không có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị kỹ phần thừa kế cho ông Lê Anh T số tiền 34.400.000 đồng (ba mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

2. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng), nguyên đơn bà Lê Bạch H đã nộp tạm ứng đủ 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng). Bà Lê Bạch H phải chịu 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng). Ông Lê Kinh K có nghĩa vụ trả bà Lê Bạch H số tiền 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng), ông Lê Anh T không phải chịu số tiền 184.000 đồng (một trăm tám mươi tư nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định và định giá.

3. Nghĩa vụ chậm thanh toán: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

4.1. Bà Lê Bạch H, ông Lê Kinh K mỗi người phải chịu 9.570.000 đồng (chín triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận bà Lê Bạch H đã nộp 3.750.000 đồng (ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2015/0002124, ngày 21/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, bà Lê Bạch H còn phải nộp tiếp số tiền 5.820.000 đồng (năm triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng). Ông Lê Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

4.2. Bà Lê Bạch H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nộp ngân sách Nhà nước; anh Lê Minh Đ không phải chịu án phí dân

sự phúc thẩm. Xác nhận bà Lê Bạch H đã nộp số tiền này theo Biên lai số AA/2015/0002462, ngày 23/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Trả lại anh Lê Minh Đ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai số AA/2015/0002477, ngày 02/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 05-02-2021.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Tổ HCTP; Phòng KTNV&THA;
- TAND TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CC THADS TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người BVQVLIHP của đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Đức Trí